TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hiếu Đạo

2. Ông Trần Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Diện – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019. Về việc: " Tranh chấp ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXX-ST, ngày 12 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Ánh N, sinh năm: 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã LT, Hện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

- *Bị đơn*: Trần Châu A, sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực KH 2, phường TL, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 chị N và anh A có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TL Hện Long Mỹ (nay là phường TL thị xã Long Mỹ), hôn nhân do vợ chồng anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Gia H (giới tính: nam), sinh ngày 16/3/2016, hiện đang sống chung với chị N. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Trần Châu A đã được Tòa án tống đạt nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai được của bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự N: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Ánh N được ly hôn với anh Trần Châu A. Về con chung chị N được tiếp tục nuôi cháu Trần Gia H; Về tài sản chung và nợ không g có nên không xem xét; Về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Châu A đã đươc Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Chị N và anh A kết hôn với nhau vào ngày 26/6/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn TL (nay là phường TL) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn và có con chung vợ chồng anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên sống ly thân 03 năm nay. Xét thấy, thời gian ly thân kéo dài nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được, từ đó chứng minh rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Ánh N.

[4] Về con chung: Chị N và anh A có 01 người con chung tên Trần Gia H (giới tính: nam), sinh ngày 16/3/2016, hiện đang sống chung với chị N, nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 10/5/2019 của Tòa án đối với bà Châu Thị B là mẹ chồng của chị N cho biết gần 03 năm nay chị N là người trực tiếp nuôi con, chị N cũng có đủ điều kiện để chăm lo tốt cho cháu H. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu H nên tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N chưa yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Ánh N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 15, Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Ánh N được ly hôn với anh Trần Châu A.

[2] Về con chung: Chị N được tiếp tục nuôi cháu Trần Gia H (giới tính: nam), sinh ngày 16/3/2016. Chị N chưa yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét. Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không phát sinh nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Ánh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0021155 phiếu lập ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/7/2019) . Bị đơn Trần Châu A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi bị đơn đang cư trú.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi Nhận:
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường TL;
- Lưu HS;